

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA
ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2. Ông Lương Văn Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1992(có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 21, ấp Phú H 2, xã Bình H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Cao Phước Th, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 23, ấp Cần Th , xã Cần Đ, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/3/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Th kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 178/2014, quyển số 02/2014 ngày 16/10/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến tháng 4/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th ghen không có căn cứ, nhiều lần dùng hung khí để xử lý vấn đề. Vợ chồng thường hay cự cãi nhau, không hạnh phúc, chị nhiều lần khuyên nhưng anh Th không thay đổi. Giữa chị và anh Th ly thân nhau từ tháng 3/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm với anh Th yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Cao Lê Thanh H, sinh ngày 30/5/2016. Hiện cháu Hiền đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, tự thỏa thuận

** Bị đơn anh Cao Phước Th tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án cùng ngày 15/02/2022 anh trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhưng anh rất thương chị L nên ghen, trong lúc ghen anh không kiềm chế được bản thân, có hành động không đúng. Anh cố gắng khắc phục nhưng chị L vẫn không đồng ý. Giữa anh và chị L ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý; Nay trước yêu cầu ly hôn của chị L, anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía.

- Về con chung: Thống nhất lời trình bày của chị L, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng phải tạo điều kiện cho anh được tới lui thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn anh Cao Phước Th vắng mặt tại phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về việc chấp hành pháp luật:* trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ngọc L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Ngọc L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản xác minh tại Công an xã Cần Đăng thể hiện anh Th có nơi cư trú tại ấp Cần Thới, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 BLTTDS 2015. Anh Th không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị L với anh Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 178/2014, quyền số 02/2014 ngày 16/10/2014 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh Th. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; nhưng chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn; tại biên bản hòa giải và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành cùng ngày 15/02/2022 tại Tòa án thể hiện nội dung chị L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, anh Th đồng ý ly hôn. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành thì phía anh Th có văn bản thay đổi ý kiến muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, tập trung lo cho con. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó cho đến nay, cả anh Th và chị L vẫn không về chung sống với nhau, vợ chồng cùng chăm sóc con chung. Trong quá trình tố tụng Tòa án có văn bản tham khảo ý kiến UBND cấp xã nơi vợ chồng chung sống, nơi con chưa thành niên cư trú: tại văn bản phúc đáp số 214/UBND-TP ngày 27/6/2022 thể hiện nội dung: “*nguyên nhân mâu thuẫn, có bao nhiêu con chung và ai là*

người trực tiếp chăm sóc con chung giữa các đương sự trong vụ án UBND xã không nắm rõ”; Đồng thời, biên bản xác minh nminh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L với anh Th qua lời trình bày của mẹ ruột chị L bà Nguyễn Thị Diệp: “vợ chồng L Th thường hay cự cãi nhau, bà là người trực tiếp khuyên các con, hàn gắn tình cảm chúng nó rất nhiều lần; sau khi cưới cả hai lên Bình Dương sống và làm thuê, vợ chồng mâu thuẫn bà lên Bình Dương khuyên các con; đến đợt dịch Covid 2020 cả hai về quê sống chung với gia đình bà. Vợ chồng vẫn tiếp tục cự cãi nhau, bà biết là Th ghen L, có dùng dao hăm dọa nên L sợ...giữa L, Th đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay...” Trong thời gian chị L gửi đơn ly hôn ngày 08/3/2021 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, không còn tình cảm; giữa anh chị ly thân thời gian từ năm 2020 cho đến nay, trong khoảng thời gian gần 02 năm cả chị L và anh Th vẫn không về chung sống đề hàn gắn tình nghĩa vợ chồng, đề yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Điều này, thể hiện cả hai không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả chị L và anh Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị L có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 01 con chung Cao Lê Thanh H, sinh ngày 30/5/2016. Hiện cháu H ang sống với chị L . Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Đồng thời tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án cùng ngày 15/02/2022 thể hiện ý kiến của anh Th về con chung: khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, được HĐXX xem xét chấp nhận. Chị L phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị Ngọc L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị L, anh Th có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Lê Thị Ngọc L; chị L được ly hôn với anh Cao Phước Th

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 178/2014, quyền số 02/2014 ngày 16/10/2014 tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: chị Lê Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Cao Lê Thanh H, sinh ngày 30/5/2016. Chị L phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Th việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. HĐXX không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002777 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: chị Lê Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2022); Riêng anh Th được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang